

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN NĂM 2021





Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 01 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trí	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cách	Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

3011
CỔ
ÁCH
K
M T U

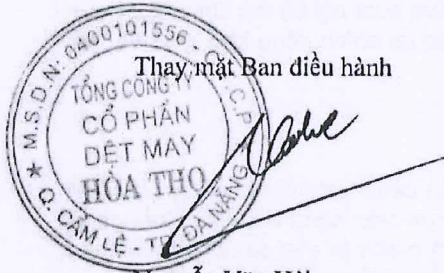
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành
Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số:.....002400.....Quyển số: 01/202.....-SCT/BS

Ngày 08-06-2023

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Bảo Khuyên

HÒA THỌ

042
IG T
KIỂM
PM
KIỂM



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban điều hành

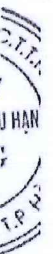
Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00159-22-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.492.955.787.174	903.874.975.508
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	36.498.496.869	31.978.925.915
Tiền	111		36.498.496.869	4.769.925.915
Các khoản tương đương tiền	112		-	27.209.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		119.955.000.000	24.357.800.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	119.955.000.000	24.357.800.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		528.635.756.071	348.912.806.303
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	481.859.691.659	328.293.580.969
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		47.621.302.862	20.151.453.649
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		488.100.000	591.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.940.679.311	5.381.647.297
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(6.274.017.761)	(5.540.350.289)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	35.274.677
Hàng tồn kho	140	9	769.136.326.803	465.224.592.977
Hàng tồn kho	141		769.559.490.915	469.854.979.554
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(423.164.112)	(4.630.386.577)
Tài sản ngắn hạn khác	150		38.730.207.431	33.400.850.313
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	8.237.473.464	6.262.364.210
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.492.733.967	27.138.486.103

1000
 CỘ
 RÁCH N
 K
 M TỬ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		604.057.522.531	622.602.219.739
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.959.430.014	1.165.096.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		994.100.000	710.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.965.330.014	454.896.000
Tài sản cố định	220		465.382.921.249	510.979.330.930
Tài sản cố định hữu hình	221	10	463.509.070.679	509.739.561.698
Nguyên giá	222		1.494.312.101.837	1.446.173.345.962
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.030.803.031.158)	(936.433.784.264)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.873.850.570	1.239.769.232
Nguyên giá	228		10.286.602.913	10.308.304.109
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.412.752.343)	(9.068.534.877)
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.352.120.576	3.708.155.197
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	14.352.120.576	3.708.155.197
Đầu tư tài chính dài hạn	250		99.814.551.193	85.882.976.572
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(11.118.050.807)	(25.049.625.428)
Tài sản dài hạn khác	260		20.548.499.499	20.866.661.040
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	20.548.499.499	20.866.661.040
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.097.013.309.705	1.526.477.195.247

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

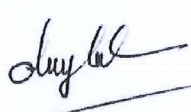
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.516.269.411.057	1.084.681.934.024
Nợ ngắn hạn	310		1.278.917.871.473	858.784.280.099
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	305.940.404.464	194.902.149.019
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.583.132.300	33.068.610.755
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	15.569.066.247	9.790.972.826
Phải trả người lao động	314		307.210.490.808	230.636.580.011
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.003.710.607	4.041.127.905
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		85.280.315	1.090.909.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	28.883.668.937	19.156.055.225
Vay ngắn hạn	320	18(a)	509.889.744.967	293.574.083.910
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	68.752.372.828	72.523.791.358
Nợ dài hạn	330		237.351.539.584	225.897.653.925
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	20	10.740.759.952	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	18(b)	226.610.779.632	215.156.893.973
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		580.743.898.648	441.795.261.223
Vốn chủ sở hữu	410	21	580.743.898.648	441.795.261.223
Vốn cổ phần	411	22	236.250.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.250.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	137.428.205.782	128.382.421.384
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		207.065.692.866	88.412.839.839
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		43.076.706.676	31.193.614.548
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		163.988.986.190	57.219.225.291
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.097.013.309.705	1.526.477.195.247

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

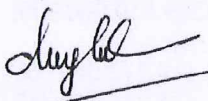
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	3.516.793.389.801	3.063.261.637.598
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		389.047.465	949.307.105
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.516.404.342.336	3.062.312.330.493
Giá vốn hàng bán	11		3.182.660.217.673	2.841.994.009.616
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		333.744.124.663	220.318.320.877
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	37.162.875.797	24.730.696.611
Chi phí tài chính	22	28	6.187.860.415	20.176.891.980
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.313.660.066</i>	<i>13.413.767.697</i>
Chi phí bán hàng	25	29	84.239.742.842	67.508.676.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	99.952.758.565	92.770.210.634
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		180.526.638.638	64.593.238.613
Thu nhập khác	31	31	4.024.111.957	2.824.063.643
Chi phí khác	32	32	1.478.384.445	2.883.254.527
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.545.727.512	(59.190.884)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		183.072.366.150	64.534.047.729
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	19.083.379.960	7.314.822.438
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		163.988.986.190	57.219.225.291

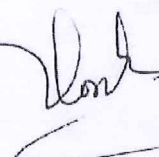
Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



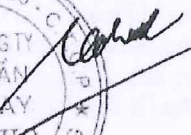
Đặng Thị Oanh Nữ
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Văn Hải
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		183.072.366.150	64.534.047.729
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		107.006.872.701	122.085.337.050
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(16.999.004.861)	3.722.919.121
Lãi từ hoạt động đầu tư	04		(1.586.429.643)	523.512.991
Chi phí lãi vay	05		(6.727.082.714)	(5.128.797.218)
	06		10.313.660.066	13.413.767.697
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		275.080.381.699	199.150.787.370
Biến động các khoản phải thu	09		(186.750.267.583)	(102.282.646.237)
Biến động hàng tồn kho	10		(299.704.511.361)	112.374.117.686
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		213.339.930.851	(51.299.973.424)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.656.947.713)	2.037.689.687
			308.585.893	159.979.975.082
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.197.829.399)	(13.417.991.892)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.844.514.807)	(6.330.595.574)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		437.134.054	280.116.099
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.698.901.349)	(7.398.592.828)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.995.525.608)	133.112.910.887
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(83.548.713.757)	(105.388.894.373)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		218.636.364	875.330.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(209.550.000.000)	(28.305.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		113.772.000.000	19.550.345.329
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.216.659.457	2.646.694.823
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(173.891.417.936)	(110.621.523.494)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

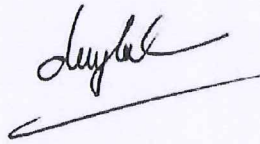
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		11.250.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		3.090.873.066.262	2.416.676.193.087
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.860.803.329.412)	(2.367.300.443.672)
Tiền trả cổ tức	36		(33.758.358.500)	(56.058.350.947)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		207.561.378.350	(6.682.601.532)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		4.674.434.806	15.808.785.861
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		31.978.925.915	16.093.433.378
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(154.863.852)	76.706.676
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	36.498.496.869	31.978.925.915

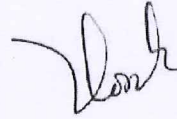


Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

11/10/2022

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2021: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 8.877 nhân viên (1/1/2021: 8.751 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

112
ĐNC
NHIE
PN
LIÊN

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bản cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

HAN
HA

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	46.866.000	58.097.500
Tiền gửi ngân hàng	36.451.630.869	4.711.828.415
Các khoản tương đương tiền	-	27.209.000.000
	36.498.496.869	31.978.925.915

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại 12 tháng kể từ ngày cuối năm tài chính, với lãi suất năm từ 3,3% đến 5,55% (1/1/2021: từ 4,9% đến 6,9%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND (1/1/2021: không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	31/12/2021					1/1/2021				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:											
<i>Công ty con</i>											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	384.424	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(268.860.364)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(1.406.845.655)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	(13.097.985.065)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(340.046.437)	-	100%	100%	2.000.000.000	(52.526.485)
					92.748.900.000	(608.906.801)				92.748.900.000	(14.557.357.205)
<i>Công ty liên kết</i>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)
					10.428.000.000	(4.000.000.000)				10.428.000.000	(4.000.000.000)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	31/12/2021					1/1/2021				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(209.144.006)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(6.509.144.006)					
					110.932.602.000	(11.118.050.807)					
					7.755.702.000	(6.492.268.223)					
					110.932.602.000	(25.049.625.428)					

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Haggar Clothing Co.	126.145.167.202	41.683.438.845
Motives International (Hong Kong) Limited	139.699.775.309	78.078.624.227
Supreme International LLC	21.701.889.272	44.510.862.972
Các khách hàng khác	194.312.859.876	164.020.654.925
	481.859.691.659	328.293.580.969

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	131.545.680	83.811.334
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	20.152.327.807	24.438.135.948
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	753.141.799	164.715.800
	21.037.015.286	24.686.663.082

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	227.896.000	2.954.777.668
Tạm ứng nhân viên	1.128.256.220	551.970.821
Thuế nhập khẩu tạm nộp	1.190.743.899	-
Phải thu khác	2.393.783.192	1.874.898.808
	4.940.679.311	5.381.647.297

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2021			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2021		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn									
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà (*)	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.440.273.725)	1.440.273.725	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.001.605.000	(300.481.500)	701.123.500	
		<u>7.714.291.486</u>	<u>(6.274.017.761)</u>	<u>1.440.273.725</u>		<u>6.241.473.789</u>	<u>(5.540.350.289)</u>	<u>701.123.500</u>	

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi (6.274.017.761) (5.540.350.289)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản phải thu khó đòi từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà đã bị xóa sổ do không có khả năng thu hồi theo đánh giá của Ban điều hành

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	118.211.431.983	-	46.721.220.081	-
Nguyên vật liệu	219.271.690.066	-	109.744.922.498	-
Công cụ và dụng cụ	1.041.594.692	-	2.267.538.947	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	367.984.127.880	-	179.244.369.392	-
Thành phẩm	13.223.229.190	(402.545.886)	90.986.785.236	(4.458.136.712)
Hàng hóa	4.323.949.715	(20.618.226)	4.493.090.254	-
Hàng gửi đi bán	45.503.467.389	-	36.397.053.146	(172.249.865)
	769.559.490.915	(423.164.112)	469.854.979.554	(4.630.386.577)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 1.941 triệu VND (1/1/2021: 20.315 triệu VND) hàng thành phẩm và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 577.807 triệu VND (1/1/2021: 362.138 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

TRÁC
 3/11/21

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	354.522.824.856	936.025.416.530	57.438.147.666	7.457.711.683	90.729.245.227	1.446.173.345.962
Tăng trong năm	326.123.567	22.319.618.296	67.842.527	560.636.291	824.500.000	24.098.720.681
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.818.282.185	23.289.644.644	7.814.302.591	48.556.200	2.244.846.359	36.215.631.979
Thanh lý	(1.313.916.871)	(9.150.161.034)	(1.038.035.594)	(348.967.314)	(324.515.972)	(12.175.596.785)
Số dư cuối năm	356.353.313.737	972.484.518.436	64.282.257.190	7.717.936.860	93.474.075.614	1.494.312.101.837
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	135.452.116.783	692.954.173.401	31.104.715.260	6.000.710.801	70.922.068.019	936.433.784.264
Khấu hao trong năm	16.730.500.838	75.436.905.093	5.800.057.743	602.431.723	7.759.059.595	106.328.954.992
Thanh lý	(1.306.980.886)	(8.941.208.332)	(1.038.035.594)	(348.967.314)	(324.515.972)	(11.959.708.098)
Số dư cuối năm	150.875.636.735	759.449.870.162	35.866.737.409	6.254.175.210	78.356.611.642	1.030.803.031.158
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	219.070.708.073	243.071.243.129	26.333.432.406	1.457.000.882	19.807.177.208	509.739.561.698
Số dư cuối năm	205.477.677.002	213.034.648.274	28.415.519.781	1.463.761.650	15.117.463.972	463.509.070.679



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 636.749 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 565.571 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 213.900 triệu VND (1/1/2021: 274.014 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a)) và dài hạn (Thuyết minh 18(b)) của Tổng Công ty.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	10.308.304.109
Tăng trong năm	934.687.900
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	377.311.147
Thanh lý	(1.333.700.243)
	<hr/>
Số dư cuối năm	10.286.602.913
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	9.068.534.877
Khấu hao trong năm	677.917.709
Thanh lý	(1.333.700.243)
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.412.752.343
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.239.769.232
Số dư cuối năm	1.873.850.570
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 6.518 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 7.494 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.708.155.197	34.574.549.250
Tăng trong năm	47.236.908.505	93.291.307.881
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(36.215.631.979)	(124.157.701.934)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(377.311.147)	-
Số dư cuối năm	14.352.120.576	3.708.155.197

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhà máy May Triệu Phong	1.333.000	2.363.605.351
Máy móc thiết bị sợi	12.685.845.477	575.750.000
Các công trình khác	1.664.942.099	768.799.846
Số dư cuối năm	14.352.120.576	3.708.155.197

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trả trước phí bảo hiểm	2.061.385.644	1.212.069.547
Công cụ và dụng cụ	2.360.097.644	2.118.749.562
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	592.958.334	742.175.166
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.223.031.842	2.189.369.935
Số dư cuối năm	8.237.473.464	6.262.364.210

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	12.606.910.743	8.259.750.297	20.866.661.040
Tăng trong năm	6.567.820.026	5.633.403.217	12.201.223.243
Phân bổ trong năm	(8.311.631.212)	(4.204.022.387)	(12.515.653.599)
Thanh lý	(3.731.185)	-	(3.731.185)
Số dư cuối năm	10.859.368.372	9.689.131.127	20.548.499.499

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Hultafors Group AB	44.776.318.875	12.009.223.239
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	36.430.638.305	8.354.163.269
Các nhà cung cấp khác	224.733.447.284	174.538.762.511
	305.940.404.464	194.902.149.019

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.103.745.493	16.754.023.232
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hòa Thọ	230.670.451	298.894.535
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	432.345.338	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	8.334.074.082	12.453.389.509
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	2.430.308.000	3.173.676.976
	27.531.143.364	32.679.984.252

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.948.952.574	114.540.974.032	(115.095.591.458)	6.394.335.148
Thuế nhập khẩu	153.955.742	4.117.240.986	(4.063.866.342)	207.330.386
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.588.571.415	19.083.379.960	(12.844.514.807)	8.827.436.568
Thuế thu nhập cá nhân	99.493.095	3.053.687.617	(3.013.216.567)	139.964.145
Tiền thuê đất	-	2.935.921.189	(2.935.921.189)	-
Các loại thuế khác	-	1.441.921.616	(1.441.921.616)	-
	9.790.972.826	145.173.125.400	(139.395.031.979)	15.569.066.247

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí hoạt động	1.388.294.431	2.117.493.080
Chi phí lãi vay	267.862.518	152.031.851
Các khoản trích trước khác	1.347.553.658	1.771.602.974
	3.003.710.607	4.041.127.905

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Kinh phí công đoàn	16.519.345.858	14.738.128.892
Phải trả nguyên vật liệu	5.663.211.997	1.129.904.088
Cổ tức phải trả	977.426.600	985.785.100
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	165.000.000	168.706.830
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	832.771.781	763.983.681
Các khoản thu chi hộ	2.703.517.178	311.000.301
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.022.395.523	1.058.546.333
	28.883.668.937	19.156.055.225

III
 ĐN
 III
 CP
 LIỀ

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	270.082.070.758	3.054.623.066.262	(2.836.281.316.261)	208.993.745	488.632.814.504
Vay dài hạn đến hạn trả	23.492.013.152	22.407.511.097	(24.522.013.151)	(120.580.635)	21.256.930.463
	293.574.083.910	3.077.030.577.359	(2.860.803.329.412)	88.413.110	509.889.744.967

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,30%	205.675.587.086	110.137.931.723
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,45% - 1,5%	77.942.926.642	60.270.102.318
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	1,56%	37.633.249.507	18.590.292.990
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,40%	167.132.051.269	73.124.475.103
Vay ngân hàng 5 (ii)	USD	1,49% - 1,53%	-	7.779.268.624
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8,40%	249.000.000	180.000.000
			488.632.814.504	270.082.070.758

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	247.867.710.095	238.648.907.125
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(21.256.930.463)	(23.492.013.152)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	226.610.779.632	215.156.893.973

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2022	5.588.879.756	11.633.967.686
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	5,0%	2021	-	913.199.685
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	4,0%	2021	-	7.265.857.614
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	-	629.624.297
Vay ngân hàng 5 (i)	VND	4,8%	2024	30.000.000.000	-
Quỹ bảo vệ môi trường (ii)	VND	2,6%	2025	5.270.000.000	-
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	-	4.640.800.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	207.008.830.339	213.565.457.843
				247.867.710.095	238.648.907.125

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 5(a)).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	72.523.791.358	70.182.908.271
Trích lập trong năm	2.540.348.765	9.459.359.816
Tặng khác	437.134.054	280.116.099
Sử dụng trong năm	(6.748.901.349)	(7.398.592.828)
Số dư cuối năm	<u>68.752.372.828</u>	<u>72.523.791.358</u>

20. Người mua trả tiền trước dài hạn

Khoản người mua trả trước dài hạn từ Motives International (Hong Kong) Limited dùng đầu tư dây chuyền thiết bị mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của Motives. Số tiền ứng trước này đã được khấu trừ dần kể từ năm 2017.



ANH * ICM

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	225.000.000.000	110.084.210.730	115.201.185.018	450.285.395.748
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	57.219.225.291	57.219.225.291
Phân bổ vào các quỹ	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.459.359.816)	(9.459.359.816)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	225.000.000.000	128.382.421.384	88.412.839.839	441.795.261.223
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	163.988.986.190	163.988.986.190
Phát hành cổ phiếu (*)	11.250.000.000	-	-	11.250.000.000
Phân bổ vào các quỹ	-	9.045.784.398	(9.045.784.398)	-
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(33.750.000.000)	(33.750.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.540.348.765)	(2.540.348.765)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	236.250.000.000	137.428.205.782	207.065.692.866	580.743.898.648

(*) Theo nghị quyết của Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên được ghi trong biên bản số 17/BB-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2021, trong năm 2021, Tổng Công ty đã phát hành 1.125.000 cổ phiếu cho nhân viên với giá phát hành bằng mệnh giá.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	31/12/2021			1/1/2021		
	Đã phát hành và đang lưu hành			Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	61,87%	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	9.009.379	90.093.790.000	38,13%	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	23.625.000	236.250.000.000	100%	22.500.000	225.000.000.000	100%

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2021		2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	1.125.000	11.250.000.000	-	-
Số dư cuối năm	23.625.000	236.250.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (2020: 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019).

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	20.540.730.148	23.123.304.931
Trong vòng hai đến năm năm	77.343.171.463	93.210.006.385
Sau năm năm	96.420.735.773	128.208.179.536
	194.304.637.384	244.541.490.852

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	101.325	2.294.822.989	121.571	2.798.346.880
EUR	221	5.616.408	221	6.180.872
		2.300.439.397		2.804.527.752

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	31.020.000.000	51.100.000.000

(d) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Nợ không có khả năng thu hồi	2021	406.124.753	-

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	4.781.869.457	2.454.694.823
Cổ tức được chia	1.720.390.000	1.799.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.065.907.324	20.415.884.964
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.586.429.643	-
Chiết khấu thanh toán	8.279.373	61.116.824
	<u>37.162.875.797</u>	<u>24.730.696.611</u>

// 01/ > 00H 1/01

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.313.660.066	13.413.767.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.805.774.970	6.970.574.095
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	523.512.991
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(13.931.574.621)	(730.962.803)
	6.187.860.415	20.176.891.980

29. Chi phí bán hàng

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.735.145.558	3.536.370.016
Chi phí vật liệu, bao bì	637.898.653	436.030.623
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	186.088.092	653.970.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.148.107.585	51.323.709.052
Chi phí khác	11.532.502.954	11.558.595.647
	84.239.742.842	67.508.676.261

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	51.951.052.865	45.134.447.518
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.515.300.188	2.891.044.807
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.788.965.039	10.451.539.759
Thuế, phí và lệ phí	3.695.808.306	3.410.920.238
Dự phòng phải thu khó đòi	1.139.792.225	300.481.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.187.979.480	12.910.384.032
Chi phí khác	15.673.860.462	17.671.392.780
	99.952.758.565	92.770.210.634



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thu nhập khác

	2021 VND	2020 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	224.823.257	875.102.395
Các khoản thu nhập khác	3.799.288.700	1.948.961.248
	<hr/> 4.024.111.957	<hr/> 2.824.063.643

32. Chi phí khác

	2021 VND	2020 VND
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	523.888.337	1.989.714.367
Các khoản chi phí khác	954.496.108	893.540.160
	<hr/> 1.478.384.445	<hr/> 2.883.254.527

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.851.988.814.901	1.448.460.235.547
Chi phí nhân viên	1.026.132.967.374	851.054.128.650
Chi phí khấu hao và phân bổ	107.006.872.701	122.085.337.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	467.149.994.148	455.567.057.438
	<hr/>	<hr/>

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	19.081.373.230	7.314.822.438
Dự phòng thiếu năm trước	2.006.730	-
	<hr/> 19.083.379.960	<hr/> 7.314.822.438

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	183.072.366.150	64.534.047.729
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.307.236.615	6.453.404.773
Dự phòng thiếu năm trước	2.006.730	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	419.127.223	615.163.969
Chi phí không được khấu trừ thuế	236.280.346	325.526.410
Thu nhập không bị tính thuế	(172.039.000)	(179.900.000)
Giảm thuế (*)	-	(180.385.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	290.768.046	281.012.286
	19.083.379.960	7.314.822.438

(*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.



TG
 KẾ T
 M
 -
 1
 =

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	21.923.431.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.751.710.000	5.747.573.455
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.359.892.147	20.845.459.612
Chi phí quản lý khoản vay và lãi vay	3.507.645.104	5.217.602.623
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.314.704.352	6.354.998.452
Mua hàng hóa và dịch vụ	945.760.000	5.182.248.537
Cổ tức nhận được	266.790.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An		
Bán hàng hóa và dịch vụ	879.089.008	548.360.269
Mua hàng hóa và dịch vụ	51.015.432.298	46.051.366.550
Bán tài sản cố định	21.167.992	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và dịch vụ	715.430.641	752.771.643
Mua hàng hóa và dịch vụ	43.470.911.981	50.033.090.798
Bán tài sản cố định	87.459.874	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	69.220.083.174	73.243.601.977
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.985.606.784	5.233.458.384
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	14.876.562	37.097.091
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.817.469.436	4.757.748.932
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	281.544.123	410.056.036
Mua hàng hóa và dịch vụ	74.639.037.251	78.314.662.576
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.607.000.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.240.096.005	1.140.822.987
Mua hàng hóa và dịch vụ	56.109.803.069	50.604.480.429
Bán tài sản cố định	113.447.714	-
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và dịch vụ	883.181.123	22.781.193
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.452.541	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	2021	2020
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	17.421.150.091	15.000.965.509
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.397.722.272	45.586.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.250.850.800	-
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt		
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.314.157.804	1.716.733.178
Thành viên khác trong Ban điều hành		
Tiền lương và thưởng	8.532.802.196	7.333.366.860
Thành viên Ban kiểm soát		
Lương, thưởng và thù lao	463.587.917	418.068.754
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Lương và thù lao	2.033.060.001	595.197.641
Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	133.333.334	166.666.668
Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	66.666.667	66.666.668
Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	66.666.667	66.666.668
Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao và thưởng	299.999.997	338.888.886
Thành viên 5 của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	66.666.667	33.333.334

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2021	2020
	VND	VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	1.607.000.000
Bán tài sản cố định thông qua bù trừ công nợ	222.075.580	223.468.112
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi sang vay ngắn hạn	50.000.000	-

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

HHH
CQ

YUJI NING * 11

